

NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH PHÒNG, TRỊ BỆNH SÁN LÁ SINH SẢN Ở VỊT

Huỳnh Vũ Vỹ, Nguyễn Đức Tân, Nguyễn Văn Thoại, Lê Hứa Ngọc Lược
Bộ môn nghiên cứu Kỹ sinh trùng, Phân viện Thú y miền Trung

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này là đề xuất quy trình phòng, trị bệnh sán lá sinh sản ký sinh ở vịt. Để phòng bệnh sán lá ở vịt có hiệu quả, phân và chất độn chuồng vịt đã được thu gom, ủ theo phương pháp nhiệt sinh học, đồng thời, tiêu độc, khử trùng chuồng trại để diệt trứng sán bằng hóa chất iodine 2% hoặc cloramin B 1,25% (1 lít nước thuốc phun khoảng 10-12 m² chuồng). Phòng bệnh sán lá bằng thuốc fenbendazole (16 mg/kg thể trọng) hoặc praziquantel (10 mg/kg thể trọng), với 1 liều duy nhất ở các giai đoạn: Vịt 5 tuần tuổi (nuôi lấy thịt); vịt 5 tuần tuổi, 2 tháng tuổi và 6 tháng tuổi (nuôi lấy trứng), sau đó định kỳ tẩy sán mỗi năm 2 lần đã cho kết quả tốt. Sử dụng thuốc fenbendazole (16 mg/kg thể trọng) hoặc praziquantel (10 mg/kg thể trọng), với 2 liều cách nhau 24 giờ đã điều trị có hiệu quả bệnh sán lá ở vịt. Sán lá sinh sản gây viêm ống dẫn trứng và túi Fabricius, vì vậy, trong điều trị cần kết hợp với kháng sinh để chống viêm và nâng cao sức đề kháng cho vịt.

Từ khóa: phòng, trị bệnh, fenbendazole, praziquantel, cloramin, iodine, sán lá sinh sản, vịt.

Study on prevention, treatment procedure for Oviduct fluke disease in duck

Huỳnh Vũ Vỹ, Nguyễn Đức Tân, Nguyễn Văn Thoại, Lê Hứa Ngọc Lược

SUMMARY

The objective of this study was to propose a prevention, treatment procedure for oviduct fluke disease in duck. In order to prevent effectively oviduct fluke disease in duck, duck feces and floor litter were collected; gather for thermobiological treatment together with farm disinfection to kill the fluke eggs by iodine 2% or cloramin B 1.25% (1L of solution sprayed for 10-12 m² of duck house floor) was applied. Two drugs could be used for oviduct fluke disease prevention effectively, such as: fenbendazole (16 mg/kg body weight) or praziquantel (10 mg/kg body weight), with a single dose, applying for duck at 5 weeks old (for duck raised for meat); 5 weeks, 2 months and 6 months old (for egg laying duck). After that it was done periodically twice per year. The oviduct fluke diseased ducks could be treated effectively by fenbendazole (16 mg/kg body weight) or praziquantel (10 mg/kg body weight), with 2 doses (24 hrs. between two doses). The oviduct fluke caused severe inflammation in ovary and fabricius, so treatment procedure should be combined with using antibiotics to avoid inflammation and to improve disease resistance of duck.

Keywords: prevention, treatment, fenbendazole, praziquantel, cloramin, iodine, oviduct fluke, duck

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sán lá sinh sản ký sinh ở vịt thuộc lớp sán lá Trematoda, họ Prosthogonimidae, giống Prosthogonimus, loài *Prosthogonimus* sp. Đến nay đã phát hiện ít nhất 10 loài thường gây bệnh trên vịt. Bệnh sán lá sinh sản phân bố rộng ở các nước Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi và Châu Á (Macy, 1965; Naem và Golpayegani, 2003;

Taylor và cs, 2007). Vòng đời phải qua 2 vật chủ trung gian: Vật chủ trung gian thứ nhất là ốc nước ngọt (*Bithynia* sp.), vật chủ trung gian thứ 2 là ấu trùng chuồn chuồn và chuồn chuồn ngô. Vịt nhiễm sán do ăn phải ấu trùng chuồn chuồn hoặc chuồn chuồn chứa nang kén sán. Sán lá sinh sản thường ký sinh trong ống dẫn trứng và túi Fabricius, gây viêm, sung huyết và xuất huyết,... (Nguyễn Đức Tân và cs, 2018a).

Ở nước ta, bệnh sán lá sinh sản ở vịt phân bố khắp các vùng miền: Từ miền núi, đến trung du và đồng bằng, nhất là những nơi có nhiều ao, hồ, sông, suối, đầm, phá, ruộng nước,... Tỷ lệ nhiễm sán ở vịt tại khu vực Nam Trung Bộ từ 29,06-30,18% (Nguyễn Đức Tân, 2018b); ở Thanh Trì, Hà Nội là 21% (Nguyễn Thị Lê, 1971); đồng bằng sông Cửu Long là 9,51% (Nguyễn Hữu Hưng, 2007); đồng bằng sông Hồng là 6,97% (Nguyễn Xuân Dương, 2008). Mặc dù bệnh sán lá sinh sản ở vịt khá phổ biến, làm ảnh hưởng khá lớn đến hiệu quả chăn nuôi, nhưng vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu về phòng trị bệnh sán lá sinh sản ở vịt tại các hộ chăn nuôi hoặc trang trại nuôi vịt, nhằm giảm thiểu tỷ lệ vịt nhiễm bệnh, tỷ lệ vịt chết, hạn chế sự phát tán mầm bệnh ra môi trường, góp phần phát triển chăn nuôi vịt theo hướng bền vững.

II. NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nguyên, vật liệu nghiên cứu

Động vật: vịt bị bệnh sán lá sinh sản.

Mẫu bệnh phẩm: Buồng trứng, ống dẫn trứng, túi Fabricius,...

Dụng cụ: Kính hiển vi quang học; kính hiển vi soi nổi, kính lúp, phiến kính, lá kính, bộ đồ mổ tiêu gia súc,...

Hóa chất: Cồn, nước cất, thuốc Fenbendazole, Praziquantel, Genta-Tylo, ampicilin, amoxicilin, kanamycin, vitamin, B-complex, iodine, cloramin B,...

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Các thí nghiệm được tiến hành tại một số địa phương nghiên cứu ở tỉnh Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa; Bộ môn nghiên cứu Ký sinh trùng, Phân viện Thú y miền Trung, từ năm 2017 đến năm 2018.

2.3. Phương pháp nghiên cứu thử nghiệm

2.3.1. Nghiên cứu ở phòng thí nghiệm

Bố trí thí nghiệm diệt trứng sán lá sinh sản

Mổ khám vịt, thu thập trứng sán lá sinh sản trong ống dẫn trứng hoặc trong túi Fabricius từ vịt nhiễm bệnh. Dùng micropipet hút trứng sán cho vào đĩa petri. Tính lượng hỗn dịch có trong đĩa, sau đó cho thuốc sát trùng vào đĩa với nồng độ cloramin B 1,25% (từ bột cloramin B 25% clo hoạt tính) hoặc iodine 2%. Sau 4 giờ tác động hóa chất, rửa sạch trứng với nước sinh lý. Cho trứng vào đĩa petri, theo dõi quá trình phát triển của mầm bệnh sau khi tác động thuốc sát trùng trong 5 ngày để đánh giá hiệu quả của thuốc: trứng sán bị hồng, trứng sán không phát triển thành ấu trùng,... Mỗi loại thuốc sát trùng bố trí 3 lô và 1 lô đối chứng (lặp lại 3 lần).

Bố trí thí nghiệm tẩy sán trên vịt trong phòng thí nghiệm

Động vật thí nghiệm là vịt bị bệnh sán lá sinh sản bằng gây nhiễm thực nghiệm. Điều trị vịt bị bệnh bằng thuốc tẩy: Fenbendazole (16 mg/kg thể trọng) hoặc Praziquantel (10 mg/kg thể trọng). Mỗi loại thuốc tẩy được thử nghiệm điều trị trên 45 vịt bị bệnh và 15 vịt bị bệnh không dùng thuốc làm đối chứng. Các loại thuốc được điều trị bằng các phác đồ khác nhau để đánh giá hiệu quả.

Đường đưa thuốc: Trộn thuốc vào thức ăn và cho vịt ăn riêng biệt để kiểm soát liều lượng.

Để xác định tỷ lệ nhiễm sán, lấy mẫu phân trước dùng thuốc, xét nghiệm bằng phương pháp lắng cặn. Mổ khám vịt sau 7 ngày dùng thuốc, tìm sán trong túi Fabricius và ống dẫn trứng để đánh giá hiệu quả của thuốc tẩy.

2.3.2. Nghiên cứu ở ngoài thực địa

Bố trí thí nghiệm diệt trứng sán lá sinh sản ở thực địa

Chọn những trang trại có vịt bị bệnh sán lá sinh sản để tiến hành thử nghiệm. Mỗi trang trại chia ra 3 phần: 1 phần phun thuốc iodine 2%, 1 phần phun thuốc cloramin B 1,25% (từ bột cloramin B 25% clo hoạt tính), 1 phần không

dùng thuốc làm đối chứng. Pha thuốc và phun ướt đều lên phân vịt trên nền chuồng (1 lít phun 10-12 m²).

Lấy mẫu phân trước khi dùng thuốc và sau 4 giờ dùng thuốc, chọn 5 điểm lấy mẫu, mỗi điểm lấy 3 mẫu, mỗi mẫu lấy 3g phân (1 điểm ở trung tâm và 4 điểm ở bốn góc). Mẫu phân được đưa về phòng thí nghiệm lọc, ly tâm để tách trứng. Cho trứng sán vào môi trường nước ngọt tự nhiên và theo dõi sự phát triển của mầm bệnh để đánh giá hiệu quả của thuốc (trứng hồng hay vẫn còn phát triển).

Bố trí thí nghiệm tẩy sán ở ngoài thực địa

Chọn các trang trại có vịt nhiễm sán lá sinh sản, sau đó trộn thuốc vào thức ăn cho toàn đàn vịt ăn. Mỗi một trang trại vừa sử dụng thuốc Fenbendazole, Praziquantel và không sử dụng thuốc làm đối chứng (liều lượng tương tự phân bố trí trong phòng thí nghiệm).

Lấy mẫu phân trước dùng thuốc và sau 7 ngày dùng thuốc, xét nghiệm phân bằng phương pháp lắng cặn để đánh giá hiệu quả sạch trứng sán trong phân.

Xây dựng quy trình phòng trị bệnh sán lá sinh sản ở vịt dựa trên kết quả thử nghiệm các biện pháp phòng trị bệnh ở phòng thí nghiệm và ở ngoài thực địa. Kết hợp các kết quả nghiên cứu của đề tài: vòng đời, đặc điểm sinh học, đặc

điểm dịch tễ học bệnh sán lá sinh sản trên vịt.

Xác định tỷ lệ nhiễm sán bằng phương pháp lắng cặn của Benedek (1943) hoặc phương pháp kết hợp: Lọc, lắng cặn và ly tâm của Willingham và ctv (1998), Anh và ctv (2008).

Đếm số lượng trứng sán trong mỗi gram phân bằng buồng đếm Mc. Master.

Xác định cường độ nhiễm sán trong túi Fabricius và ống dẫn trứng bằng phương pháp mổ khám cục bộ của Skrjabin (1928).

Các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm Ms. Excel 2010.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu ở phòng thí nghiệm

3.1.1. Kết quả diệt trứng sán ở phòng thí nghiệm

Để phòng bệnh sán lá sinh sản có hiệu quả, thì diệt vật chủ trung gian (ốc, chuồn chuồn) là việc làm khó có thể thực hiện trong điều kiện thực tế. Vì vậy, làm sao để giảm thiểu mầm bệnh ra môi trường, hạn chế sự xâm nhập vào vật chủ trung gian. Từ những vấn đề đó, chúng tôi đã sử dụng 2 loại hóa chất là iodine 2% và cloramin B 1,25% tác động lên trứng sán. Kết quả trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Tác động thuốc sát trùng tới trứng sán ở phòng thí nghiệm

Loại thuốc sát trùng	Số trứng thử nghiệm	Số trứng bị hồng	Tỷ lệ trứng hồng (%)
Iodine 2%	1250	1011	80,8
Cloramin B 1,25%	1432	1082	75,5
Không dùng hóa chất	1150	21	1,8

Từ kết quả ở bảng 1 cho thấy, trong điều kiện phòng thí nghiệm, hóa chất iodine 2% có hiệu quả diệt trứng là 88,8%, cloramin B 1,25% có hiệu quả diệt trứng là 75,5%. Trong khi đó, ở lô không dùng hóa chất, trứng sán vẫn phát triển bình thường.

3.1.2. Kết quả tẩy sán lá sinh sản trên vịt ở phòng thí nghiệm

Để đánh giá hiệu quả của thuốc tẩy, chúng tôi tiến hành tẩy sán lá sinh sản ở vịt bị bệnh từ gây nhiễm thực nghiệm, bằng cách cho vịt ăn thuốc Fenbendazole (16 mg/kg thể trọng) hoặc thuốc Praziquantel (10 mg/1 kg thể trọng). Kết quả mổ khám vịt sau 7 ngày dùng thuốc được thể hiện ở bảng 2 và bảng 3.

Bảng 2. Kết quả tẩy sán lá sinh sản ở vịt bằng thuốc Fenbendazole ở phòng thí nghiệm

Loại thuốc và liều lượng	Trước khi tẩy		Sau khi tẩy			Ghi chú
	Số vịt nhiễm sán	Tỷ lệ nhiễm (%)	Số vịt sạch sán	Tỷ lệ sạch sán (%)	Cường độ nhiễm sán/vịt	
Fenbendazole 16 mg/kg, 1 liều duy nhất	15	100	9	60	3-5	Ổng dẫn trứng, túi Fabricius bị viêm khá nặng. Thể trạng hồi phục chậm.
Fenbendazole 16 mg/kg, 2 liều cách nhau 24 giờ	15	100	15	100	0	"Nt"
Fenbendazole 16 mg/kg, 2 liều cách nhau 24 giờ Bcomplex và kháng sinh (Ngày 2 lần x 3 ngày)	15	100	15	100	0	Ổng dẫn trứng, túi Fabricius bình thường. Thể trạng hồi phục nhanh.
Đối chứng (Không dùng thuốc)	15	100	0	-	15-19	Ổng dẫn trứng, túi Fabricius bị viêm khá nặng. Vịt ốm yếu, thể trạng kém.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, thuốc Fenbendazole liều 16 mg/kg (dùng 1 liều), có hiệu quả tẩy sạch sán lá sinh sản ở vịt là 60,0% (9 vịt sạch sán sau khi tẩy/15 vịt nhiễm sán được tẩy). Trong 6 vịt chưa sạch sán, cường độ nhiễm từ 3 đến 5 sán/vịt (trung

binh 4,1 sán). Tuy nhiên, cũng loại thuốc này dùng 2 liều, cách nhau 24 giờ, có hiệu quả tẩy sạch sán là 100,0% (30/30 vịt sạch sán sau khi tẩy). Trong khi đó, mổ khám vịt ở lô đối chứng, phát hiện cường độ nhiễm từ 15 đến 19 sán/vịt (trung bình 17,3 sán/vịt).

Bảng 3. Kết quả tẩy sán lá sinh sản ở vịt bằng thuốc Praziquantel ở phòng thí nghiệm

Loại thuốc và liều lượng	Trước khi tẩy		Sau khi tẩy			Ghi chú
	Số vịt nhiễm sán	Tỷ lệ nhiễm (%)	Số vịt sạch sán	Tỷ lệ sạch sán (%)	Cường độ sán/vịt	
Praziquantel 10 mg/kg, 1 liều duy nhất	15	100	11	73,3	2-5	Ổng dẫn trứng, túi Fabricius bị viêm khá nặng. Thể trạng hồi phục chậm.
Praziquantel liều 10 mg/kg, 2 liều cách nhau 24 giờ	15	100	15	100	0	"Nt"
Praziquantel liều 10 mg/kg, 2 liều cách nhau 24 giờ. B-complex và kháng sinh (Ngày 2 lần x 3 ngày)	15	100	15	100	0	Ổng dẫn trứng, túi Fabricius bình thường. Thể trạng hồi phục nhanh.
Đối chứng (Không dùng thuốc)	15	100	0	-	15-19	Ổng dẫn trứng, túi Fabricius bị viêm khá nặng. Vịt ốm yếu, thể trạng kém.

Kết quả tẩy sán bằng thuốc Praziquantel ở bảng 3 cho thấy: liều 10 mg/kg (dùng 1 liều duy nhất), có hiệu quả tẩy sạch sán lá sinh sán ở vịt là 73,3% (11 vịt sạch sán sau khi tẩy/15 vịt nhiễm sán được tẩy). Trong 4 vịt chưa sạch sán, cường độ nhiễm từ 2 đến 5 sán/vịt (trung bình 3,2 sán). Tuy nhiên, cũng loại thuốc này khi dùng 2 liều (cách nhau 24 giờ), có hiệu quả tẩy sạch sán là 100,0% (30 vịt sạch sán sau khi tẩy/30 vịt nhiễm sán được tẩy). Trong khi đó, mổ khám vịt ở lô đối chứng, cường độ nhiễm từ 15 đến 19 sán/vịt (trung bình 17,4 sán/vịt).

Như vậy, để điều trị bệnh sán lá sinh sán ở vịt, có thể dùng một trong hai loại thuốc Fenbendazole liều 16 mg/kg hoặc Praziquantel

liều 10 mg/kg. Tuy nhiên, để có hiệu quả cao trong điều trị, cần cho vịt ăn 2 liều, cách nhau 24 giờ. Do bệnh sán lá sinh sán có tổn thương khá nặng ống dẫn trứng và túi Fabricius nên trong điều trị cần bổ sung kháng sinh chống nhiễm khuẩn, ngoài ra cần bổ sung các vitamin nhằm nâng cao sức đề kháng cho vịt.

3.2. Kết quả nghiên cứu ở thực địa

3.2.1. Kết quả diệt trứng sán ở ngoài môi trường bằng thuốc sát trùng

Sau khi có kết quả trong phòng thí nghiệm, chúng tôi chọn một số trang trại có vịt bị bệnh sán lá sinh sán để thử nghiệm. Kết quả thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Kết quả diệt trứng sán lá sinh sán ở trang trại vịt

Loại thuốc sát trùng	Trang trại thử nghiệm	Trước thử nghiệm		Sau thử nghiệm		
		Số mẫu có trứng	Số trứng/gram mẫu	Số trứng còn lại/gram mẫu	Số mẫu sạch trứng	Tỷ lệ sạch trứng (%)
Iodine 2%	1	15	500-1100 (703)	50-100 (63)	11	73,3
	2	15	550-900 (710)	50-100 (75)	11	73,3
	3	15	600-1100 (753)	50-150 (67)	12	80
Tổng cộng	3	45	500-1100 (722)	50-150 (68)	34	75,5
Cloramin B 1,25%	1	15	500-1100 (715)	50-150 (87)	11	73,3
	2	15	550-900 (720)	100-150 (110)	10	66,7
	3	15	600-1100 (740)	50-100 (70)	10	66,7
Tổng cộng	3	45	500-1100 (725)	50-150 (89)	31	68,9
Đối chứng	3	15	500-1100 (715)	500-1100 (710)	0	0,00

Từ kết quả ở bảng 4 cho thấy, hóa chất iodine 2% có hiệu quả diệt trứng trên mẫu kiểm tra là 75,5% (34/45); hóa chất cloramin B 1,25% có hiệu quả diệt trứng trên mẫu kiểm tra là 68,9% (31/45). Trong khi đó ở lô đối chứng, trứng vẫn phát triển bình thường.

Như vậy, từ kết quả thử nghiệm có thể nhận thấy hóa chất iodine 2% và cloramin B 1,25% đều có hiệu quả diệt mầm bệnh sán lá sinh sán ở ngoài môi trường. Mặc dù có một số mẫu vẫn còn trứng sau thử nghiệm, nhưng số trứng trong

1 gram mẫu giảm nhiều so với trước dùng thuốc (trung bình 722-725 trứng/gram mẫu giảm xuống 68-89 trứng/gram mẫu).

3.2.2. Kết quả tẩy sán lá sinh sán ở các trang trại nuôi vịt

Sau khi có kết quả trong phòng thí nghiệm, chúng tôi chọn những trang trại có vịt nhiễm sán lá sinh sán, sau đó trộn thuốc vào thức ăn cho vịt ăn. Mổ khám vịt sau 7 ngày dùng thuốc để đánh giá hiệu quả. Kết quả thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Hiệu quả tẩy sán lá sinh sản trên vịt ở thực địa

Loại thuốc và liều lượng	Trang trại thử nghiệm	Trước thử nghiệm		Sau thử nghiệm		
		Tổng số vịt nhiễm	Tỷ lệ nhiễm (%)	Tổng số vịt sạch sán	Tỷ lệ sạch sán (%)	Cường độ sán/vịt
Fenbendazole liều 16 mg/kg thể trọng (2 liều, cách nhau 24 giờ)	1	15	100	14	93,3	1
	2	15	100	15	100,0	0
	3	15	100	15	100,00	0
Tổng cộng		45	100	44	97,77	1
Praziquantel liều 10 mg/kg thể trọng (2 liều, cách nhau 24 giờ)	1	15	100	15	100,00	0
	2	15	100	15	100,00	0
	3	15	100	15	100,00	0
Tổng cộng		45	100	45	100,00	0
Đối chứng không dùng thuốc		15	100	0	0,00	11-17

Kết quả ở bảng 5 cho thấy: tổng số 45 vịt nhiễm sán lá sinh sản được tẩy bằng thuốc Fenbendazole liều 16 mg/kg thể trọng (2 liều, cách nhau 24 giờ), có 44 vịt sạch sán, với tỷ lệ sạch sán là 97,77%. Trong 45 vịt, chỉ còn 1 vịt có 1 sán ký sinh ở túi Fabricius.

Tổng số 45 vịt nhiễm sán được tẩy bằng thuốc Praziquantel liều 10 mg/kg thể trọng (2 liều, cách nhau 24 giờ), có 45 con sạch sán, với tỷ lệ sạch sán là 100%. Trong khi đó 15 vịt đối chứng không dùng thuốc đều còn sán, cường độ nhiễm từ 11 đến 15 sán/vịt.

Trong quá trình theo dõi đàn vịt sau điều trị, chúng tôi nhận thấy những đàn vịt đã tẩy sán có bổ sung thêm kháng sinh, các loại vitamin thì vịt nhanh khỏe hơn, các dấu hiệu bệnh lý nhanh khắc phục hơn.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu ở phòng thí nghiệm và ngoài thực địa cho thấy, để tẩy sán lá sinh sản trên vịt thì dùng thuốc Fenbendazole liều 16 mg/kg thể trọng hoặc Praziquantel liều 10 mg/kg thể trọng, để có hiệu quả cao thì các loại thuốc này cần dùng 2 liều, cách nhau 24 giờ. Các thuốc này dễ sử dụng và không có phản ứng phụ trong suốt quá trình thử nghiệm.

Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống đặc điểm dịch tễ học, sinh học và

thử nghiệm các loại thuốc phòng, trị bệnh sán lá sinh sản trên vịt. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đã xây dựng được quy trình phòng trị bệnh sán lá sinh sản ở vịt hiệu quả. Quy trình mô tả chi tiết các giai đoạn dùng thuốc phòng, điều trị bệnh, loại thuốc, liều lượng, cách dùng thuốc,...

3.3. Nội dung quy trình phòng, trị bệnh sán lá sinh sản trên vịt

Từ kết quả nghiên cứu, đề tài đề xuất quy trình phòng, trị bệnh sán lá sinh sản trên vịt như sau:

3.3.1. Phạm vi áp dụng

Quy trình được áp dụng để phòng và trị bệnh sán lá sinh sản ở vịt.

3.3.2. Đối tượng áp dụng

Người chăn nuôi và cán bộ Chăn nuôi-Thú y

3.3.3. Các bước thực hiện quy trình

Quy trình phòng bệnh

Thông tin, tuyên truyền những ảnh hưởng của bệnh sán lá sinh sản đến hiệu quả chăn nuôi vịt để người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng bệnh.

Khi đàn vịt có các dấu hiệu ốm yếu, giảm đẻ, chết... người chăn nuôi có thể mổ khám 1 số vịt chết, tìm sán ký sinh trong túi Fabricius và

ống dẫn trứng hoặc báo cho thú y cơ sở để chẩn đoán phát hiện bệnh sớm, từ đó có biện pháp can thiệp kịp thời.

Không sử dụng chất thải và phân vịt khi chưa được xử lý. Nước thải, nước rửa chuồng trại phải dẫn theo hệ thống mương tiêu thoát đến hồ chứa và phải được xử lý trước khi đưa ra môi trường bên ngoài trang trại. Phân và chất độn chuồng trong quá trình chăn nuôi được thu gom lại thành đống ở nơi quy định, xử lý theo phương pháp ủ nhiệt sinh học.

Tiêu độc, khử trùng chuồng trại để diệt trứng sán ở ngoài môi trường bằng iodine 2% hoặc cloramin B 1,25%. Ở những trang trại có vịt nhiễm bệnh, pha thuốc và phun ướt đều lên phân vịt trên nền chuồng, tường, dụng cụ chăn nuôi, sân chơi (ở chuồng âm, 1 lít thuốc phun cho khoảng 10-12 m²) định kỳ 2 lần/tuần.

Định kỳ tẩy sán cho vịt bằng thuốc Fenbendazole (liều 16 mg/kg P) hoặc Praziquantel (liều 10 mg/kg P). Trộn thuốc vào thức ăn cho vịt ăn 1 liều duy nhất.

Vịt nuôi lấy thịt: Phòng bệnh 1 lần ở giai đoạn vịt 5 tuần tuổi.

Vịt nuôi lấy trứng: Phòng bệnh ở giai đoạn vịt 5 tuần tuổi, vịt hậu bị (2 tháng tuổi), vịt bắt đầu vào đẻ (6 tháng tuổi). Sau đó định kỳ phòng bệnh mỗi năm 2 lần.

Lưu ý: Chỉ áp dụng phòng bệnh bằng thuốc ở những vùng có sự lưu hành của bệnh sán lá sinh sản.

Biện pháp điều trị bệnh sán lá sinh sản ở vịt

Cách ly vịt ốm ra khỏi đàn và nhốt riêng ở khu vực rồi điều trị ngay.

Vịt bị bệnh điều trị bằng 1 trong 2 phác đồ sau:

Phác đồ 1

Tẩy sán bằng thuốc Fenbendazole, liều 16 mg/kg thể trọng, dùng 2 lần cách nhau 24 giờ.

Sử dụng kháng sinh chống nhiễm khuẩn buồng trứng, ống dẫn trứng, túi Fabricius, có thể sử dụng 1 trong các loại: Genta-Tylo, Ampicillin, Amoxicillin, Kanamycin... (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

Dùng thuốc bồi bổ cơ thể, nâng cao sức đề kháng: Các loại vitamin, B-complex,... (liều lượng theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

Phác đồ 2

Tẩy sán bằng thuốc Praziquantel, liều 10 mg/kg thể trọng, dùng 2 lần cách nhau 24 giờ. Thuốc chống nhiễm khuẩn và bồi bổ cơ thể tương tự như phác đồ trên.

Lưu ý: Các loại thuốc trên trộn đều vào thức ăn cho vịt ăn, khẩu phần ăn của vịt 100% thì nên trộn thuốc với 50% thức ăn để vịt ăn hết, sau đó cho vịt ăn thức ăn còn lại tránh lãng phí thuốc và đảm bảo vịt được sử dụng đủ liều thuốc tẩy.

Nhốt vịt 3 ngày sau điều trị để chúng thải hết mầm bệnh, thu gom phân, rác thải ở nơi điều trị, xử lý theo phương pháp nhiệt sinh học. Tươi hoặc phun thuốc iodine 2% hoặc cloramin B 1,25% để diệt trứng sán còn lưu lại trên bề mặt nền nơi điều trị.

Cảnh báo

Có thể xảy ra hiện tượng kháng thuốc nếu sử dụng liên tục một loại thuốc điều trị trong thời gian dài.

Chỉ nên xuất bán hoặc giết thịt sau khi dùng thuốc điều trị bệnh ít nhất 7 ngày.

IV. KẾT LUẬN

Để phòng, trị bệnh sán lá sinh sản ở vịt thì biện pháp tốt nhất là diệt sán trên cơ thể vịt hoặc diệt trứng sán ở ngoài môi trường bằng iodine 2% và cloramin B 1,25% nhằm hạn chế sự xâm nhập của trứng vào vật chủ trung gian. Có thể dùng thuốc Fenbendazole (16 mg/kg thể trọng) hoặc Praziquantel (10 mg/kg thể trọng), phòng bệnh dùng 1 liều duy nhất, trị bệnh dùng 2 liều cách nhau 24 giờ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Dương, 2008. Nghiên cứu tình trạng nhiễm giun sán của vịt ở Thái Bình, Nam Định, Hải Dương và đề xuất biện pháp phòng trị. Luận án tiến sĩ Nông nghiệp, Viện Thú y, 154 tr.
2. Nguyễn Hữu Hưng, 2007. Giun sán ký sinh trên vịt tại Đồng Bằng Sông Cửu Long và thí nghiệm thuốc phòng trị một số loài giun sán chủ yếu. Luận án tiến sĩ Nông nghiệp, Đại Học Nông Lâm TPHCM, 174 tr.
3. Nguyễn Thị Lê, 1971. Giun sán ký sinh ở vịt vùng Thanh Trì, Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật Nông nghiệp*. (2) 127-129.
4. Nguyễn Đức Tân, Nguyễn Văn Thoại, Huỳnh Vũ Vỹ và Lê Hứa Ngọc Lực, 2018a. Nghiên cứu vòng đời sán lá sinh sản (*Prosthogonimus* sp.) trên vịt tại Việt Nam. *Tạp chí Phòng chống bệnh Sốt rét và các bệnh Ký sinh trùng*. Tập 104, (2): 79-86
5. Nguyễn Đức Tân, Nguyễn Văn Thoại, Huỳnh Vũ Vỹ và Lê Hứa Ngọc Lực, 2018b. Tình hình nhiễm sán lá sinh sản (*Prosthogonimus* sp.) trên vịt tại một số tỉnh Nam Trung Bộ. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y*. Tập 25, (3) 64-68.
6. Anh N.T.L., Phuong N.T., Ha G.H., Thu L.T., Johansen M.V., Murrell D.K. and Thamsborg S.M., 2008. Evaluation of techniques for detection of small trematode eggs in faeces of domestic animals. *Vet. Parasitol.* 156, 346-349.
7. Macy R.W., 1965. On the life cycle of the trematode *Prosthogonimus cuneatus* (Rudolphi, 1809) (Plagiorchiidae) in Egypt. *Trans Am Microsc Soc*, 84:577-80.
8. Naem S. and Golpayegani, M.H., 2003. *Prosthogonimus macrorchis* in the albumin of the egg from Sari Iran. *Iran J of Vet Res*, Uni of Shiraz, 4, 160-2.
9. Skrjabin K., 1928. *Methods of Complete Helminthological Dissections of Vertebrate Animals Including Humans*. Moscow State University, Moscow. Publishing House of 1st Moscow State University, Moscow, 45 pp.
10. Taylor M., Coop, R., Wall, R., 2007. *Parasites of poultry and gamebirds. Veterinary Parasitology*, Third ed. Blackwell Publishing, 459-534.
11. Willingham A., Johansen M.V. and Barnes E., 1998. A new technic for counting *Schistosoma japonicum* eggs in pig feces. *Southeast Asian J Trop Med Public Health* 29, 128-130.

Ngày nhận 7-11-2018

Ngày phản biện 10-12-2018

Ngày đăng 1-3-2019